

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HÓA
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày: 13 - 5 - 2025

*“V/v tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Trọng Thủy và bà Trần Thị Phúc Tuệ

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Quang Vịnh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Tô Hoài - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2025/TLST - DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S có ngay

Địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: ông SOMYOT N - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần S có ngay.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Đoàn Thị Anh Đ, sinh năm 1990 - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Q - Tuyên hoá 1

Địa chỉ: tiểu khu B, thị trấn Đ, huyện T, Quảng Bình, có mặt

- Bị đơn: bà Hoàng Thị L, sinh năm 1995

Địa chỉ: thôn T, xã M, huyện T, Quảng Bình, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2024, quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bà Đoàn Thị Anh Đ trình bày:

Ngày 05/03/2024 giữa bà Hoàng Thị L1 và Công ty cổ phần S có ngay - chi nhánh Q - T ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số 6TM240301002NA20X được ký giữa các bên ngày 05/03/2024 thì bà Hoàng Thị L1 có ký hợp đồng cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh BKS 73D1-268.46, loại xe: HONDA - LEAD, màu đen, số khung RLHJF7936LZ329035, số máy JF89E0289916. Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001008 do Công an huyện T cấp ngày 05/04/2021 để lấy số tiền 16.117.000 đồng, thời hạn cầm cố là 06 tháng với mức lãi suất là 1,1%/ tháng.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho bà Hoàng Thị L1. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho bà Hoàng Thị L1 mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 05/03/2024 đến 05/09/2024 địa điểm trả xe là tại chi nhánh Q, T. Bà Hoàng Thị L1 có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”. Quá trình trả nợ, bà Hoàng Thị L1 chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng, bà Hoàng Thị L1 không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Nhân viên của Công ty S đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà bà Hoàng Thị L1 nhưng đều không gặp. Phía Công ty S đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để bà Hoàng Thị L1 trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty, nhưng bà Hoàng Thị L1 không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh.

Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị L1 phải thanh toán số tiền tính đến ngày 13/5/2025 là 28.113.135 đồng, bao gồm: Gốc còn lại 13.268.291 đồng; lãi trong hạn $13.268.291đ \times 1,1\% \times 12 = 1.751.414$ đồng; lãi quá hạn $1.751.414đ \times 150\% = 2.627.121$ đồng; phí hao mòn và bảo dưỡng $805.851đ \times 12 = 9.670.212$ đồng; phí quản lý hồ sơ $13.268.291đ \times 0,5\% \times 12 = 796.097$ đồng. Buộc bà Hoàng Thị L1 phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 14/5/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bà L1 không thanh toán số tiền theo hợp đồng thì buộc bà L1 phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số 73D1-268.46 theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Q, Tuyên Hoá 2, Công ty TNHH S1 số 6TM240301002NA20X ngày 26/12/2023.

Ngày 03/3/2025 đại diện cho nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Hoàng Thị L phải trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số 73D1-268.46 theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe số 6TM240301002NA20X ngày 26/12/2023.

Tại các buổi tiếp nhận công khai chứng cứ và hoà giải có đại diện nguyên đơn, đối với bị đơn vắng mặt không có lý do. Ngày 31/3/2025 Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai tại nơi cư trú đối với bị đơn bà Hoàng Thị L. Bà L khai có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản và nhận đủ số tiền như đại diện nguyên đơn trình bày.

Sau khi nhận được tiền, bà L đã cho bạn mượn sử dụng nhưng không trả đúng hạn vì vậy bà L không có tiền để trả cho nguyên đơn. Nay bà L có nguyện vọng được trả dần hết số tiền nợ gốc 16.117.000 đồng, đối với số tiền lãi xin được miễn giảm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 309, Điều 311, Điều 312, Điều 314, Điều 315, Điều 316, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xét xử vắng mặt bị đơn bà Hoàng Thị L; đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện buộc bà Hoàng Thị L phải trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số 73D1-268.46 theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe số 6TM240301002NA20X ngày 26/12/2023. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S có ngay đối với bị đơn bà Hoàng Thị L. Buộc bà Hoàng Thị L phải thanh toán cho Công ty cổ phần S có ngay số tiền nợ tổng cộng là 28.113.135 đồng. Buộc bà Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty cổ phần S có ngay nộp đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản đối với bị đơn bà Hoàng Thị L. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Hoàng Thị L có nơi cư trú tại xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình, nên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hoàng Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228

Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Ngày 03/3/2025 đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Hoàng Thị L phải trả lại chiếc xe mô tô biển số 73D1-268.46 theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe số 6TM240301002NA20X ngày 26/12/2023. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án đã thu thập, có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 05/3/2024 giữa Công ty cổ phần S có ngay và bà Hoàng Thị L đã ký kết hợp đồng cầm cố đối với tài sản là chiếc xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 73D1-268.46, loại xe HONDA - LEAD, màu đen (kèm theo bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 001008 cấp ngày 05/4/2021 tại Công an huyện T). Số tiền cầm cố là 16.117.000 đồng (mười sáu triệu một trăm mười bảy nghìn đồng), thời hạn cầm cố là 06 tháng (từ ngày 05/03/2024 đến 05/09/2024) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo thỏa thuận được ký kết trong hợp đồng, bà L có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần S có ngay vào ngày 05 hàng tháng với số tiền 2.838.585 đồng, ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ tháng 04 năm 2024, thời hạn trả cuối cùng là ngày 05/9/2024. Bà Hoàng Thị L đã nhận đủ số tiền cầm cố, sau đó hai bên có lập văn bản để cho bà Hoàng Thị L mượn lại tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô để tiếp tục sử dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L chỉ thanh toán cho Công ty cổ phần S có ngay được 01 kỳ thì dừng không trả cho đến nay. Như vậy, Hợp đồng cầm cố có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là hợp đồng hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và phía bị đơn thừa nhận, thể hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn bà Hoàng Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi, thời gian vi phạm hợp đồng tính từ ngày 05/5/2024 đến ngày 13/5/2025 là 12 tháng, nên nguyên đơn đã chuyển thành nợ quá hạn và tính lãi trong hạn, quá hạn với mức lãi suất, thời gian vi phạm theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, đồng thời bà L phải chịu những khoản chi phí khác như trong các hợp đồng đã ký kết.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 309, Điều 311, Điều 312, Điều 314, Điều 315, Điều 316, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S có ngay. Buộc bà Hoàng Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S có ngay số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/5/2025) là 28.113.135 đồng (hai mươi tám triệu một trăm mười ba nghìn một trăm ba mươi lăm đồng) bao gồm: Nợ gốc 13.268.291 đồng; lãi trong hạn 1.751.414 đồng; lãi quá hạn 2.627.121 đồng; phí hao mòn và bảo dưỡng 9.670.212 đồng; phí quản lý hồ sơ 796.097 đồng. Kể từ

ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn bà Hoàng Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật đề sung vào công quỹ nhà nước đối với phần yêu cầu được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 309; Điều 311; Điều 312; Điều 314; Điều 315; Điều 316; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt bị đơn bà Hoàng Thị L.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S có ngay đối với bị đơn bà Hoàng Thị L.

Buộc bà Hoàng Thị L phải thanh toán cho Công ty cổ phần S có ngay tổng số tiền nợ là 28.113.135 đồng (hai mươi tám triệu một trăm mười ba nghìn một trăm ba mươi lăm đồng), trong đó: tiền nợ gốc 13.268.291 đồng; lãi trong hạn 1.751.414 đồng; lãi quá hạn 2.627.121 đồng; phí hao mòn và bảo dưỡng 9.670.212 đồng; phí quản lý hồ sơ 796.097 đồng.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện buộc bà Hoàng Thị L phải trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số 73D1-268.46 theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe số 6TM240301002NA20X ngày 26/12/2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

Buộc bà Hoàng Thị L phải chịu 1.406.000 đồng (*một triệu bốn trăm linh sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty cổ phần S có ngay số tiền tạm ứng án phí 509.000 đồng (*năm trăm linh chín nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, theo biên lai số 0000161 ngày 31/10/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- UBND xã Mai Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn